

PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (GO) CHI PHÍ TRUNG GIAN (IC), GIÁ TRỊ TĂNG THÊM (VA) VÀ TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Thực hiện công văn số 809/TCTK-PPCĐ ngày 01/10/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 02/2012/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Việc tính toán chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn đối với cấp tỉnh (GRDP) có những thay đổi so với trước đây. Để thuận lợi cho việc nghiên cứu và sử dụng số liệu thống kê, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang giới thiệu phương pháp tính chỉ tiêu giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị tăng thêm (VA), tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo các loại giá với sự thống nhất về cách thức tiến hành, cách tính toán cũng như việc công bố thông tin như sau:

1. Ngành kinh tế thực hiện theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam VSIC 2007 (Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ);

2. Áp dụng giá cơ bản thay cho giá sản xuất:

Theo quy định về thống kê tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc, chỉ tiêu GO được tính theo giá cơ bản, trong trường hợp không có đầy đủ nguồn thông tin, điều kiện về hạch toán, kế toán không phù hợp thì có thể dùng giá sản xuất để tính. Giá cơ bản phản ánh số tiền thực tế đơn vị sản xuất nhận được khi bán hàng hóa hoặc dịch vụ. Tính GO theo giá cơ bản cung cấp thông tin tốt hơn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh. Hiện nay, Việt Nam áp dụng giá sản xuất để tính GO. Giá sản xuất bao gồm thuế sản phẩm (thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế doanh thu, thuế khoán,...), nhưng không phải thuế VAT, sau khi Việt Nam áp dụng thuế VAT nguồn thông tin về thuế sản phẩm thu thập được từ các đơn vị sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể) không chính xác, dẫn đến việc bóc tách số liệu để tính GO theo giá sản xuất không chính xác. Mặt khác, tính GO theo giá cơ bản phản ánh thực chất hơn kết quả sản xuất kinh doanh của từng địa phương mà không bị ảnh hưởng tăng, giảm bởi điều chỉnh chính sách thuế của Nhà nước.

3. Sử dụng hệ thống chỉ số giá trong tính toán

Đối với các ngành sản xuất ra sản phẩm vật chất như: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải dùng chỉ số giá sản xuất (PPI) của các ngành tương ứng. Đối với các ngành dịch vụ sử dụng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) để loại trừ yếu tố giá trong tính toán GO theo giá so sánh của một số ngành dịch vụ. Việc biên soạn và sử dụng chỉ số đã nâng cao chất lượng kết quả tính toán đồng thời phù hợp với phương pháp luận quốc tế.

4. Áp dụng tỷ lệ chi phí trung gian mới

Trên cơ sở GO được tính theo giá cơ bản thay cho giá sản xuất, tỷ lệ chi phí trung gian năm 2007 được tính theo GO giá cơ bản để đảm bảo có tỷ lệ chi phí trung gian mới phù hợp với GO theo giá cơ bản.

5. Thay đổi năm gốc so sánh

Sử dụng năm 2010 là năm gốc so sánh thay cho năm gốc 1994 đã không còn phù hợp với sự thay đổi về số lượng, chất lượng, mẫu mã sản phẩm và cơ cấu của các ngành kinh tế.

B. MỘT SỐ KHAI NIỆM & MỐI QUAN HỆ

I. GIÁ VÀ THUẾ

1. Giá trong thống kê tài khoản quốc gia

Giá là một thuật ngữ thường được nhắc tới trong tính toán các chỉ tiêu cơ bản của hệ thống tài khoản quốc gia như Giá trị sản xuất (GO), Chi phí trung gian (IC) và Giá trị tăng thêm (VA). Theo thời gian có giá hiện hành và giá so sánh; theo quá trình hoạt động sản xuất và phân phối sản phẩm vật chất và dịch vụ có giá cơ bản, giá người sản xuất và giá người mua. Phần dưới đây sẽ tập trung trình bày về các loại giá cơ bản, giá người sản xuất và giá người mua.

1.1. Khái niệm về các loại giá

Theo cẩm nang về hệ thống tài khoản quốc gia (System of National Account 2008- SNA2008) của Thống kê Liên Hợp quốc, các loại giá được định nghĩa như sau:

- **Giá cơ bản** là số tiền người sản xuất nhận được do bán một đơn vị sản phẩm vật chất hoặc dịch vụ sản xuất ra, trừ thuế sản phẩm và cộng trợ cấp sản xuất mà người

sản xuất nhận được. Giá cơ bản không bao gồm phí vận tải được người sản xuất ghi hóa đơn riêng.

Giá cơ bản không bao gồm bất kỳ loại thuế nào đánh vào sản phẩm, thuế này người sản xuất nhận từ người mua và nộp cho Nhà nước, nhưng bao gồm các khoản trợ cấp sản xuất (trợ cấp sản phẩm và trợ cấp sản xuất khác) mà người sản xuất nhận được từ Nhà nước để hạ mức giá bán cho người mua.

Giá cơ bản đo lường khoản tiền người sản xuất được hưởng nên đó là mức giá gần nhất liên quan đến quyết định của người sản xuất.

- **Giá người sản xuất** là số tiền người sản xuất nhận được do bán một đơn vị sản phẩm vật chất hoặc dịch vụ sản xuất ra trừ thuế giá trị gia tăng (VAT) được khấu trừ mà người mua phải trả. Giá người sản xuất không bao gồm chi phí vận tải mà người sản xuất ghi hóa đơn riêng.

Cả giá người sản xuất và giá cơ bản đều không bao gồm VAT¹, hoặc thuế tương tự tính trên hàng bán ra.

Khác với giá cơ bản, giá người sản xuất bao gồm thuế sản phẩm không phải VAT và không bao gồm trợ cấp sản phẩm (trợ cấp nhận được trên một đơn vị đầu ra). (Giá người sản xuất là giá không bao gồm VAT mà người mua phải trả.)

- **Giá người mua** là số tiền người mua phải trả để nhận được một đơn vị hàng hóa hay dịch vụ tại thời gian và địa điểm do người mua yêu cầu.

Giá người mua không bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hay thuế tương tự được khấu trừ. Giá người mua bao gồm cả phí lưu thông (phí thương mại và vận tải) do người mua phải trả.

1.2. Mối liên hệ giữa các loại giá

- Sự giống nhau: Tất cả các loại giá đều bao gồm các yếu tố chi phí trung gian, thu nhập của người lao động, khấu hao tài sản cố định, thặng dư sản xuất.

- Sự khác nhau giữa các loại giá là do thuế sản phẩm; trợ cấp sản phẩm và phí lưu thông (phí vận tải và phí thương mại).

Mối liên hệ giữa giá cơ bản, giá người sản xuất, giá người mua được thể hiện trong sơ đồ chi tiết thành phần của các loại giá dưới đây:

¹ VAT ở đây được hiểu là VAT hoặc loại thuế tương tự tính theo phương pháp khấu trừ, phân biệt với VAT tính theo phương pháp trực tiếp.

Thành phần theo các loại giá

Chi phí trung gian	Thu nhập của người lao động	Khấu hao TSCĐ	Thặng dư sản xuất	Thuế sản xuất khác + Trợ cấp sản xuất			
Giá cơ bản							
Chi phí trung gian	Thu nhập của người lao động	Khấu hao TSCĐ	Thặng dư sản xuất	Thuế sản xuất khác + Trợ cấp sản xuất	Thuế sản phẩm không phải VAT - Trợ cấp sản phẩm		
Giá người sản xuất							
Chi phí trung gian	Thu nhập của người lao động	Khấu hao TSCĐ	Thặng dư sản xuất	Thuế sản xuất khác + Trợ cấp sản xuất	Thuế sản phẩm không phải VAT - Trợ cấp sản phẩm	Thuế VAT không được khấu trừ	Phí thương nghiệp, phí vận tải
Giá người mua							

2. Thuế sản xuất

2.1. Khái niệm

Thuế là khoản phải nộp bắt buộc, bằng tiền hay bằng hiện vật từ đơn vị thể chế cho Nhà nước.

Theo các tiêu chí phân tổ có nhiều loại thuế khác nhau, ở đây chỉ đề cập đến các loại thuế liên quan đến quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm. Trong hệ thống tài khoản quốc gia, thuế liên quan đến quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm gồm có thuế sản xuất và thuế nhập khẩu.

2.2. Phân loại thuế sản xuất

Thuế sản xuất và thuế nhập khẩu được chia thành: Thuế sản phẩm và thuế sản xuất khác.

+ Thuế sản phẩm là khoản phải nộp khi người sản xuất (hoặc người nhập khẩu) đưa sản phẩm vật chất và dịch vụ vào lưu thông dưới bất kỳ hình thức nào như: bán,

chuyển nhượng,... Như vậy đối tượng của thuế đánh vào sản phẩm không bao gồm thành phẩm tồn kho. Thuế sản phẩm bao gồm cả thuế nhập khẩu.

Thuế sản phẩm gồm:

- *Thuế VAT* (gồm VAT hàng nội địa và VAT hàng nhập khẩu);
- *Thuế nhập khẩu* (không bao gồm VAT hàng nhập khẩu) là thuế đánh vào hàng hóa sản xuất ở nước ngoài nhưng được đưa vào sử dụng trong nước. Thuế nhập khẩu gồm:

+ Thuế nhập khẩu

+ Thuế hàng nhập khẩu (không phải VAT) là thuế đánh vào hàng nhập khẩu như: thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế đánh vào các dịch vụ đặc biệt, thuế lợi nhuận độc quyền nhập khẩu, thuế do đa tỷ giá hối đoái.

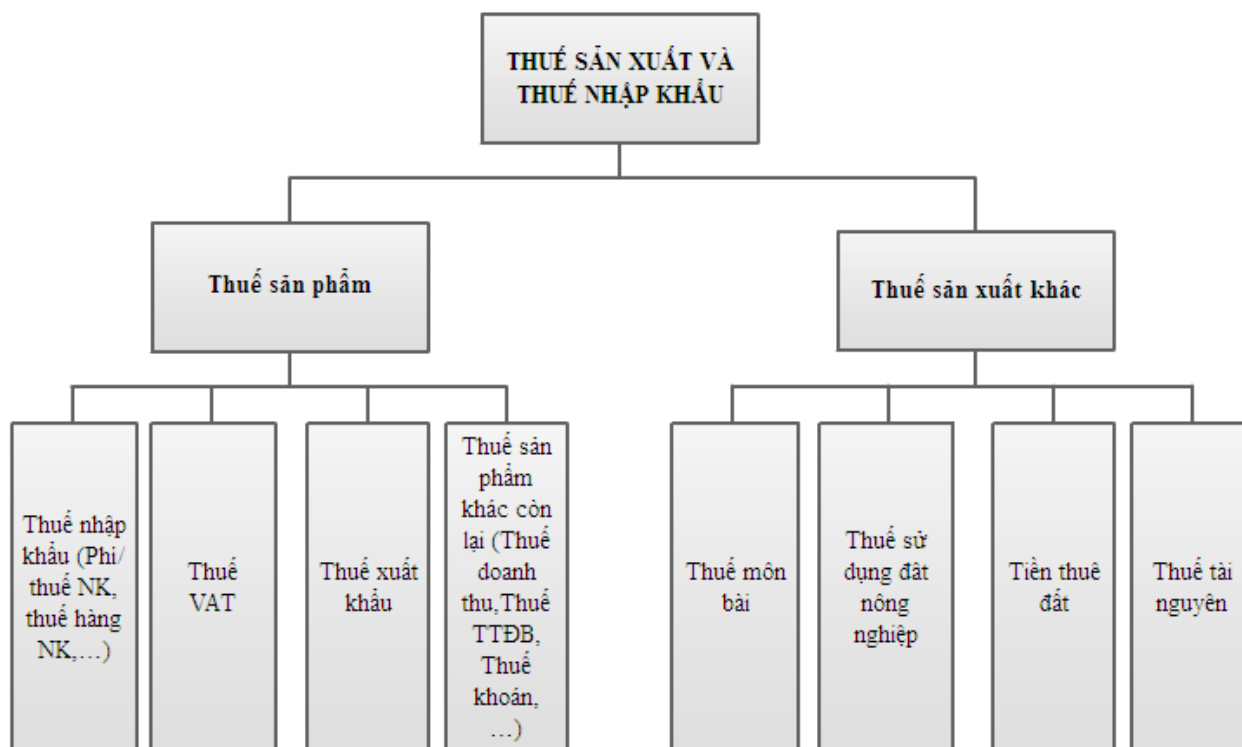
- *Thuế xuất khẩu*;
- *Thuế sản phẩm khác còn lại* (thuế doanh thu, thuế khoán, thuế tiêu thụ đặc biệt, ...)

+ Thuế sản xuất khác là thuế mà đơn vị sản xuất phải nộp cho Nhà nước để tiến hành hoạt động sản xuất, không đánh trên sản phẩm hay lợi nhuận tạo ra. Khác với thuế sản phẩm, thuế sản xuất khác không tỷ lệ thuận với sản phẩm được tiêu thụ. Thuế sản xuất khác bao gồm thuế đánh vào quyền sở hữu hay quyền sử dụng đất đai, nhà xưởng, tài sản khác dùng trong sản xuất.

Thuế sản xuất khác gồm:

- Thuế môn bài;
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Tiền thuê đất;
- Thuế tài nguyên,
- ...

Sơ đồ 2: Các loại thuế trong sản xuất và phân phối sản phẩm



3. Trợ cấp sản xuất

3.1. Khái niệm

Trợ cấp sản xuất là khoản chuyển nhượng một chiều của Nhà nước cho các doanh nghiệp. Trợ cấp sản xuất hiểu theo nghĩa ngược với thuế sản xuất và làm tăng giá trị thặng dư của doanh nghiệp.

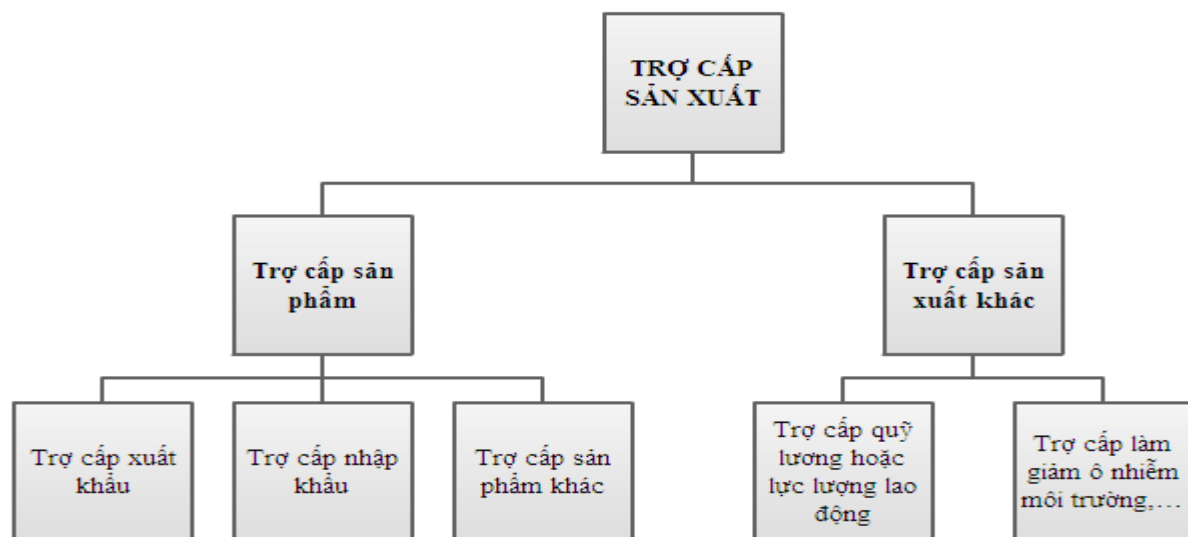
3.2. Phân loại

Trợ cấp sản xuất bao gồm trợ cấp sản phẩm và trợ cấp sản xuất khác.

- Trợ cấp sản phẩm là trợ cấp tính trên một đơn vị hàng hoá và dịch vụ khi chúng được tạo ra hoặc nhập khẩu. Trợ cấp sản phẩm gồm có trợ cấp nhập khẩu, trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp sản phẩm khác.

- Trợ cấp sản xuất khác là trợ cấp mà đơn vị sản xuất nhận được từ nhà nước khi tiến hành hoạt động sản xuất, không tính trên sản phẩm sản xuất ra, (ví dụ: trợ cấp quỹ lương hoặc lực lượng lao động, trợ cấp làm giảm ô nhiễm môi trường ...).

Sơ đồ 3: Các loại trợ cấp trong sản xuất và phân phối sản phẩm



II. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THEO GIÁ CƠ BẢN

Khái niệm giá trị sản xuất

1. Khái niệm

Giá trị sản xuất là toàn bộ giá trị của những sản phẩm vật chất và dịch vụ do các cơ sở sản xuất thuộc tất cả các ngành kinh tế tạo ra trong một thời gian nhất định (quý hoặc năm).

Giá trị sản xuất chỉ tính đối với sản phẩm do cơ sở sản xuất ra dùng cho đơn vị khác, không tính cho sản phẩm chu chuyển nội bộ trong các công đoạn sản xuất của cơ sở (không kể ngành Nông nghiệp). Thu do chênh lệch giá không tính vào giá trị sản xuất, song trợ cấp sản xuất được tính vào giá trị sản xuất. Mức độ tính trùng chỉ tiêu giá trị sản xuất phụ thuộc vào mức độ chuyên môn hóa sản xuất và mức độ chi tiết của phân ngành kinh tế.

Giá trị sản xuất có thể được tính theo giá cơ bản; khi không có điều kiện từ nguồn thông tin, chế độ hạch toán về kế toán không phù hợp thì giá trị sản xuất có thể tính theo giá người sản xuất.

2. Các yếu tố cấu thành giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất theo giá cơ bản bao gồm các yếu tố cơ bản:

- Chi phí trung gian;
- Thu nhập của người lao động;
- Khấu hao tài sản cố định;

- Thặng dư sản xuất.

Ngoài ra, giá trị sản xuất theo giá cơ bản bao gồm thuế sản xuất khác và trợ cấp sản xuất còn giá trị sản xuất theo giá người sản xuất bao gồm cả thuế sản phẩm không phải VAT nhưng không bao gồm trợ cấp sản phẩm. Giá trị sản xuất theo giá cơ bản không bao gồm thuế VAT hoặc thuế tương tự được khấu trừ.

Các thành phần cấu thành giá trị sản xuất theo giá cơ bản được thể hiện ở các sơ đồ dưới đây:

- Giá trị sản xuất theo giá cơ bản:

Chi phí trung gian		Thu nhập của người lao động				Khấu hao TSCĐ	Thặng dư sản xuất	Thuế sản xuất khác				Trợ cấp sản xuất khác	Trợ cấp sản phẩm
Chi phí vật chất	Chi phí dịch vụ	Tiền lương bằng tiền	Tiền lương bằng hiện vật	Bảo hiểm xã hội, BH y tế	...			Thuế môn bài	Thuế sử dụng đất NN	Tiền thuế đất	...		

3. Sự cần thiết tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản

Giá trị sản xuất của các hàng hóa và dịch vụ được hạch toán và đánh giá trong quá trình sản xuất và có thể được tính theo giá cơ bản và giá người sản xuất. Tuy nhiên, chỉ tính giá trị sản xuất theo giá người sản xuất khi không thể tính được theo giá cơ bản với những lý do sau đây:

- Tính GO theo giá cơ bản nhằm thực hiện đúng quy định của Thống kê Liên hợp quốc, đảm bảo tính so sánh quốc tế.

- Giá cơ bản không bao gồm VAT và các loại thuế sản phẩm nên việc tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản thuận tiện hơn nhiều so với tính theo giá trị sản xuất theo giá người sản xuất vì trong nhiều trường hợp thông tin về thuế VAT thu được từ doanh nghiệp không phản ánh đúng thuế thực tế phải nộp tương ứng với quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong kỳ.

- Giá cơ bản đo lường khoản tiền người sản xuất thực sự thu được nên đó là mức giá gần nhất liên quan tới quyết định của người sản xuất.

- Khi tính GO theo giá cơ bản, thuế sản phẩm được coi như là người mua trực tiếp nộp cho nhà nước thay vì nằm trong mức giá trả cho người sản xuất và ngược lại;

- Các khoản trợ cấp sản phẩm được coi là người mua nhận trực tiếp từ Nhà nước chứ không phải thông qua người sản xuất.

C. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH GO, IC, VA & GRDP

I. Giá trị sản xuất (GO) theo giá thực tế (hiện hành): được tính theo một số phương pháp sau:

1. Phương pháp tính trực tiếp từ sản lượng sản phẩm

Phương pháp này được áp dụng cho tính GO của ngành nông nghiệp. Công thức tính như sau:

$$GO = \sum_{i=1}^n (Q_i \times \bar{P}_i)$$

Trong đó:

GO: Giá trị sản xuất

Q_i : Sản lượng sản phẩm i

$\bar{P}_i$: Đơn giá sản xuất bình quân của sản phẩm i (ở đây, đơn giá không bao gồm thuế sản phẩm nhưng bao gồm trợ cấp sản xuất)

n : Số lượng sản phẩm

i : Sản phẩm thứ i

(nhưng theo quy định mới hiện nay của Vụ TK Nông nghiệp – Tổng cục Thống kê thì tính GO nông nghiệp theo giá thực tế = GO nông nghiệp giá so sánh 2010 nhân (X) chỉ số giá SX nông, lâm và thủy sản theo theo loại cây, nhóm cây (PPI_NN) dùng chỉ số giá nông nghiệp ở phụ lục 02.

2. Phương pháp tính từ doanh thu tiêu thụ:

Phương pháp này thường được áp dụng cho các ngành hoạt động sản xuất dễ dàng thu được thông tin về doanh thu như: công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến chế tạo và các ngành dịch vụ (ngoại trừ bán buôn, bán lẻ; hoạt động ngân hàng, bảo hiểm; hoạt động kinh doanh bất động sản)

$$GO = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng hoá và cung} \\ \text{cấp dịch vụ (ở đây} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trợ cấp sản xuất} \\ \text{(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chênh lệch cuối kỳ, đầu kỳ} \\ \text{của thành phẩm tồn kho, hàng} \\ \text{gửi đi bán, sản phẩm DD và} \end{array}$$

doanh thu không bao
gồm thuế ẩn phẩm)

các chi phí DD còn lại (Cuối
kỳ - đầu kỳ)

3. Phương pháp tính từ doanh thu bán hàng và trị giá vốn hàng bán ra:

Phương pháp này áp dụng cho ngành bán buôn, bán lẻ; hoạt động kinh doanh bất động sản

$$GO = \begin{array}{c} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần bán} \\ \text{buôn hoặc} \\ \text{bán lẻ} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Trị giá vốn hàng bán ra hoặc trị giá} \\ \text{vốn hàng chuyển bán, hoặc chi phí} \\ \text{từ các khoản chi hộ khách hàng} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trợ cấp sản} \\ \text{xuất (nếu có)} \end{array}$$

4. Phương pháp tính từ các yếu tố chi phí sản xuất:

Đây là cách tính có thể áp dụng cho hầu hết các ngành hoạt động. Tuy nhiên, để áp dụng được cách tính này cần có được thông tin về chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và trợ cấp sản xuất (nếu có)

$$GO = \begin{array}{c} \text{Tổng chi phí sản} \\ \text{xuất} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Lợi nhuận} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trợ cấp sản xuất} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

5. Phương pháp tính riêng cho hoạt động sản xuất kinh doanh đặc thù (hoạt động kinh doanh tiền tệ, bảo hiểm)

+ Đối với ngân hàng

$$GO \text{ hoạt động ngân hàng} = GO \text{ dịch vụ thẳng} + GO \text{ dịch vụ ngầm}$$

Trong đó:

$$GO \text{ dịch vụ thẳng} = \begin{array}{c} \text{Doanh thu phí dịch vụ phục vụ khách hàng} \\ \text{(không bao gồm thuế sản phẩm)} \end{array}$$

$$GO \text{ dịch vụ ngầm} = \begin{array}{c} \text{Thu nhập sở hữu} \\ \text{phải thu} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Tổng tiền lãi phải} \\ \text{trả} \end{array}$$

+ Đối với bảo hiểm

$$GO = \text{Phí bảo hiểm} - \text{Bồi thường bảo hiểm} - \text{Dự phòng phí} + \text{Thu nhập do đầu tư}$$

II. Chi phí trung gian (IC):

Chi phí trung gian là một bộ phận cấu thành của GO, bao gồm toàn bộ chi phí về sản phẩm vật chất và dịch vụ cho sản xuất được hạch toán vào giá thành sản phẩm, Chi phí trung gian phải là kết quả sản xuất do các ngành sản xuất ra hoặc nhập khẩu từ nước ngoài. Công thức:

$$\text{Chi phí trung gian (IC)} = \frac{\text{Giá trị sản xuất (GO)}}{\text{Giá trị sản xuất (GO)}} \times \text{Hệ số IC/GO (phụ lục 01)}$$

Hoặc

$$\text{Chi phí trung gian (IC)} = \frac{\text{Giá trị sản xuất (GO)}}{\text{Giá trị sản xuất (GO)}} - \text{Giá trị tăng thêm (VA)}$$

Chi phí trung gian luôn được tính theo giá người mua, nghĩa là bao gồm cả phí vận tải và thương mại và các loại chi phí khác do đơn vị sản xuất chi trả để đưa nguyên, nhiên liệu vào sản xuất.

Các yếu tố cấu thành Chi phí trung gian

* Chi phí sản phẩm vật chất gồm:

- Nguyên vật liệu chính, phụ;
- Nhiên liệu, khí đốt;
- Chi phí công cụ sản xuất nhỏ, vật rẻ tiền mau hỏng;
- Chi phí sản phẩm vật chất khác.

* Chi phí dịch vụ gồm:

- Điện, nước;
- Vận tải;
- Bưu điện;
- Bảo hiểm;
- Dịch vụ ngân hàng;
- Dịch vụ pháp lý;

- Dịch vụ quảng cáo;
- Chi phí dịch vụ khác.

III. Giá trị tăng thêm (VA):

Giá trị tăng thêm là giá trị mới của hàng hoá và dịch vụ tạo ra từ quá trình sản xuất trong một ngành kinh tế.

Giá trị tăng thêm là hiệu số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá trị tăng thêm} & = & \text{Giá trị sản xuất} \\ \text{(VA)} & & \text{(GO)} \quad - \quad \text{Chi phí trung gian (IC)} \end{array}$$

Hoặc

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá trị tăng thêm} & = & \text{Giá trị sản xuất} \quad \times \quad (1 - \text{Hệ số IC/GO/100}) \\ \text{(VA)} & & \text{(GO)} \quad \quad \quad \text{(phụ lục 01)} \end{array}$$

VA luôn được tính theo giá người mua, GO được tính theo giá cơ bản, GO được tính theo giá nào thì VA được tính theo giá đó

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá trị tăng thêm} & = & \text{Giá trị sản xuất} \\ \text{(VA theo giá cơ bản)} & & \text{(GO theo giá cơ bản)} \quad - \quad \text{Chi phí trung gian (IC)} \end{array}$$

Giá trị tăng thêm theo giá cơ bản bao gồm tất cả các loại trợ cấp (trợ cấp sản phẩm và trợ cấp sản xuất khác) nhưng không bao gồm tất cả các loại thuế sản phẩm.

Các yếu tố cấu thành của giá trị tăng thêm

Cũng như giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm có thể tính theo giá cơ bản hoặc giá người sản xuất, giá trị sản xuất tính theo giá nào thì đòi hỏi giá trị tăng thêm tính theo giá đó.

Giá trị tăng thêm theo giá cơ bản bao gồm các yếu tố sau:

- ***Thu nhập của người lao động*** gồm tiền lương, tiền công (kể cả trả công bằng sản phẩm đối với công việc được thực hiện); các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, và các khoản chi hỗ trợ khác cho người lao động tính vào chi phí sản xuất và không phải trích ra từ các quỹ độc lập của đơn vị.

- **Thuế sản xuất khác** là thuế đánh vào quá trình sản xuất của đơn vị sản xuất kinh doanh. Ở Việt Nam thuế sản xuất khác gồm: thuế môn bài, thuế môi trường, thuế tài nguyên, ... và các khoản lệ phí coi như thuế (ví dụ: lệ phí trước bạ, lệ phí liên quan đến sản xuất kinh doanh, ...). Trợ cấp sản xuất luôn có trong giá cơ bản. Trợ cấp sản xuất gồm có trợ cấp sản xuất khác và trợ cấp sản phẩm.

- **Khấu hao tài sản cố định** là số tiền trích khấu hao cơ bản tài sản cố định ở đơn vị phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- **Giá trị thặng dư /Thu nhập hỗn hợp**

+ *Giá trị thặng dư*: gồm lợi tức thuần từ hoạt động kinh doanh, lãi trả tiền vay ngân hàng, chi mua bảo hiểm tài sản.

+ *Thu nhập hỗn hợp*: chỉ tiêu này chỉ xuất hiện đối với trường hợp hộ kinh doanh cá thể do trong thực tế khó phân tách tiền lương, tiền công của chủ hộ và lao động là thành viên của hộ với giá trị thặng dư.

IV. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Khái niệm

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) là giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. Cụm từ “hàng hóa và dịch vụ cuối cùng” được hiểu theo nghĩa không tính giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ sử dụng ở các khâu trung gian trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Phương pháp tính

- GRDP được tính theo ba phương pháp: Phương pháp sản xuất, phương pháp thu nhập và phương pháp sử dụng.

GRDP luôn được tính theo giá người mua (hay giá sử dụng).

Theo phương pháp sản xuất, GRDP được tính từ VA giá cơ bản như sau:

$$\text{GDP} = \begin{array}{c} \text{Tổng giá trị tăng thêm} \\ \text{(VA) giá cơ bản} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Tất cả các loại} \\ \text{thuế sản phẩm} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Tất cả các loại trợ} \\ \text{cấp sản phẩm} \end{array}$$

Ở đây thuế sản phẩm và trợ cấp sản phẩm bao gồm cả thuế nhập khẩu và trợ cấp nhập khẩu.

V. Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 (dùng chỉ số giá ở phụ lục 03):

Có 2 phương pháp để tính chỉ tiêu giá trị sản xuất

- **Phương pháp 1:** đánh giá trực tiếp từ lượng và giá theo từng sản phẩm của năm gốc (sử dụng bảng giá cố định). Được tính bằng cách lấy khối lượng sản phẩm của năm cần tính nhân với đơn giá sản phẩm của năm 2010.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất} \\ \text{theo giá 2010} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng sản xuất năm} \\ \text{báo cáo} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá sản xuất bình} \\ \text{quân năm 2010} \end{array}$$

(Áp dụng cho ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản)

- **Phương pháp 2:** phương pháp giảm phát. Dùng chỉ số giá phù hợp để loại trừ biến động về giá trong các chỉ tiêu theo giá thực tế của năm cần tính chuyển về giá so sánh năm gốc 2010

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm} \\ \text{báo cáo theo giá so} \\ \text{sánh 2010} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá hiện hành} \\ \text{Chỉ số giá sản xuất (hay chỉ số giá tiêu dùng) năm báo} \\ \text{cáo so với năm 2010} \end{array}}$$

1. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp, xây dựng

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp, xây dựng năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010 ($GTSX_{CNXD}^{SS2010}$) được tính theo công thức như sau:

$$GTSX_{CNXD}^{SS2010} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo} \\ \text{theo giá hiện hành} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chỉ số giá tương ứng năm báo cáo} \\ \text{so với năm gốc 2010} \end{array}}$$

Khi tính toán cụ thể cần lưu ý:

- Đối với giá trị sản xuất ngành công nghiệp: Sử dụng chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp năm báo cáo so với năm gốc 2010.

- Đối với giá trị sản xuất ngành xây dựng: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm vật liệu xây dựng.

2. Giá trị sản xuất thương nghiệp bán buôn

Giá trị sản xuất thương nghiệp bán buôn năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010 ($GTSX_{TNBB}^{SS2010}$) được tính theo công thức như sau:

$$GTSX_{TNBB}^{SS2010} = \frac{\text{Doanh số bán buôn năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Doanh số bán buôn năm báo cáo theo giá hiện hành}} - \frac{\text{Trị giá vốn hàng bán ra năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Trị giá vốn hàng bán ra năm báo cáo theo giá hiện hành}}$$

Trong đó:

$$\frac{\text{Doanh số bán buôn năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Doanh số bán buôn năm báo cáo theo giá hiện hành}} = \frac{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất năm báo cáo so với năm gốc 2010}}{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

$$\frac{\text{Trị giá vốn hàng bán ra năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Trị giá vốn hàng bán ra năm báo cáo theo giá hiện hành}} = \frac{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất năm báo cáo so với năm gốc 2010}}{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

3. Giá trị sản xuất thương nghiệp bán lẻ

Giá trị sản xuất thương nghiệp bán lẻ năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010 ($GTSX_{TNBL}^{SS2010}$) được tính theo công thức như sau:

$$GTSX_{TNBL}^{SS2010} = \frac{\text{Tổng mức bán lẻ năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Tổng mức bán lẻ năm báo cáo theo giá hiện hành}} - \frac{\text{Trị giá vốn hàng bán ra năm báo cáo theo giá hiện hành}}{\text{Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

Trong đó:

$$\frac{\text{Tổng mức bán lẻ năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Tổng mức bán lẻ năm báo cáo theo giá hiện hành}} = \frac{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

4. Giá trị sản xuất của các ngành: (i) sửa chữa ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác; (ii) dịch vụ lưu trú; (iii) dịch vụ ăn uống; (iv) thông tin và truyền thông; (v) nhà ở tự có tự ở; (vi) hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; (vii) hoạt động của Đảng cộng sản tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; (viii) giáo dục và đào tạo; (ix) y tế và hoạt động cứu trợ xã hội; (x) nghệ thuật, vui chơi và giải trí

Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010 của các ngành nêu trên ($GTSX^{SS2010}$) được tính theo công thức như sau:

$$GTSX^{SS2010} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá hiện hành}}{\text{Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hoặc chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm hàng hóa, dịch vụ tương ứng}}$$

Khi tính toán cụ thể cần lưu ý:

- Đối với giá trị sản xuất sửa chữa ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác: Sử dụng Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm dịch vụ sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình, sửa chữa phương tiện đi lại.

- Đối với giá trị sản xuất dịch vụ lưu trú: Sử dụng chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm khách sạn, nhà trọ.

- Đối với giá trị sản xuất dịch vụ ăn uống: Sử dụng chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm hàng ăn, dịch vụ ăn uống và đồ uống, hút.

- Đối với giá trị sản xuất thông tin và truyền thông: Sử dụng chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) năm báo cáo so với năm 2010 của ngành thông tin truyền thông.

- Đối với giá trị sản xuất nhà ở tự có tự ở: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm nhà ở thuê.

- Đối với giá trị sản xuất hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ: Sử dụng chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010.

- Đối với giá trị sản xuất hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng chung bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010.

- Đối với giá trị sản xuất hoạt động cứu trợ xã hội không tập trung: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng chung bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010.

- Đối với giá trị sản xuất nghệ thuật, vui chơi và giải trí: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm văn hóa, thể thao và giải trí.

5. Giá trị sản xuất vận tải hàng hóa, hành khách

Giá trị sản xuất vận tải hàng hóa, hành khách năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc ($GTSX_{VT}^{SS2010}$) được tính theo công thức như sau:

$$GTSX_{VT}^{SS2010} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá hiện hành của phần vận tải tương ứng theo ngành đường}}{\text{Chỉ số giá cước vận tải (TPI) tương ứng theo ngành đường bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

Khi tính toán cụ thể cần lưu ý:

- Đối với giá trị sản xuất vận tải hàng hóa: Sử dụng giá trị sản xuất vận tải hàng hóa và chỉ số giá cước vận tải hàng hóa năm báo cáo so với năm gốc 2010.

- Đối với giá trị sản xuất vận tải hành khách: Sử dụng giá trị sản xuất vận tải hành khách và chỉ số giá cước vận tải hành khách năm báo cáo so với năm gốc 2010.

6. Giá trị sản xuất của các ngành: (i) kinh doanh bất động sản không kể giá trị nhà ở tự có tự ở; (ii) hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; (iv) chuyên môn khoa học và công nghệ; (v) làm thuê các công việc trong hộ gia đình; (vi) các tổ chức và các cơ quan quốc tế; và (vii) hoạt động dịch vụ khác

Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010 của các ngành nêu trên ($GTSX^{SS2010}$) được tính theo công thức như sau:

$$GTSX^{SS2010} = \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá hiện hành}}{\text{Chỉ số giá sản xuất dịch vụ (PPI-S) bình quân năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

VI. Chi phí trung gian

$$\text{Chi phí trung gian năm báo cáo theo giá SS 2010} = \frac{\text{Chi phí trung gian năm báo cáo theo giá hiện hành}}{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá hiện hành}} \times \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá SS 2010}$$

Hoặc

$$\text{Chi phí trung gian theo giá so sánh năm gốc 2010} = \frac{\text{Chi phí trung gian năm báo cáo theo giá hiện hành}}{\text{Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất của năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

VII. Giá trị tăng thêm

$$\text{Giá trị tăng thêm năm báo cáo theo giá SS 2010} = \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá SS 2010} - \text{Chi phí trung gian năm báo cáo theo giá SS 2010}$$

VIII. Tổng sản phẩm trên địa bàn:

Tổng sản phẩm trên địa bàn năm báo cáo so với năm gốc 2010 ($GRDP^{SS2010}$) được tính như sau:

$$GRDP^{SS2010} = \text{Tổng giá trị tăng thêm của các ngành theo giá so sánh năm gốc 2010} + \text{Tất cả các loại thuế sản phẩm theo giá so sánh năm gốc 2010} - \text{Tất cả các loại trợ cấp sản phẩm theo giá so sánh năm gốc 2010}$$

- Thuế nhập khẩu của năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010 được tính như sau:

$$\text{Thuế nhập khẩu năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010} = \frac{\text{Tổng giá trị nhập khẩu năm báo cáo theo giá so sánh năm gốc 2010}}{\text{Thuế nhập khẩu năm báo cáo theo giá hiện hành}} \times \frac{\text{Trị giá nhập khẩu năm báo cáo theo giá hiện hành}}{\text{Trị giá nhập khẩu năm báo cáo theo giá hiện hành}}$$

- Xuất, nhập khẩu hàng hóa theo giá so sánh năm gốc 2010 được tính như sau:

$$\text{Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa theo giá so sánh năm gốc 2010} = \frac{\text{Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa theo giá hiện hành năm báo cáo}}{\text{Chỉ số giá xuất, nhập khẩu hàng hóa năm báo cáo so với năm gốc 2010}}$$

IX. Giá trị sản xuất theo giá so sánh 1994:

1. Giá trị sản xuất

Chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá so sánh 1994 sử dụng hệ số của năm trước và được tính như sau

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá SS 1994} &= \frac{\text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá SS 2010}}{k} \\ k &= \frac{\text{Giá trị sản xuất năm trước theo giá SS 1994}}{\text{Giá trị sản xuất năm trước theo giá SS 2010}} \end{aligned}$$

2. Chi phí trung gian

Chỉ tiêu chi phí trung gian sử dụng hệ số của năm trước và được tính như sau

$$\text{Chi phí trung gian năm báo cáo theo giá SS 1994} = \frac{\text{Chi phí trung gian năm trước theo giá SS 1994}}{\text{Giá trị sản xuất năm trước theo giá SS 1994}} \times \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo giá SS 1994}$$

3. Giá trị tăng thêm

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá trị tăng thêm năm} & & \text{Giá trị sản xuất năm báo cáo theo} & & \text{Chi phí trung gian} \\ \text{báo cáo theo giá SS} & = & \text{giá SS 1994} & - & \text{năm báo cáo theo giá} \\ 1994 & & & & \text{SS 1994} \end{array}$$

4. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Tổng giá trị tăng thêm} & & \text{Tất các các loại} & & \text{Tất cả các loại} \\ & & \text{của các ngành theo giá so} & + & \text{thuế sản phẩm} & - & \text{trợ cấp sản} \\ GRDP^{SS1994} & = & \text{sánh năm 1994} & & \text{theo giá so sánh} & & \text{phẩm theo giá} \\ & & & & \text{năm 1994} & & \text{so sánh năm} \\ & & & & & & 1994 \end{array}$$

D. CHUYỂN DÃY SỐ LIỆU GO TỪ GIÁ NGƯỜI SẢN XUẤT VỀ GIÁ CƠ BẢN

1. Thực trạng tính giá trị sản xuất

Cho đến nay, chỉ tiêu giá trị sản xuất của các ngành kinh tế đã được tính toán thường xuyên (quý, năm) cho phạm vi cả nước, các tỉnh, thành phố nhưng chỉ công bố trên Niên giám Thống kê giá trị sản xuất của các ngành thuộc khu vực I và II. Giá trị sản xuất là thông tin đầu vào quan trọng phục vụ cho việc biên soạn GDP và GRDP theo phương pháp sản xuất ở cả trung ương và địa phương. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc hướng dẫn và tính giá trị sản xuất chưa được thống nhất ở cả Trung ương và địa phương.

- Từ khi áp dụng SNA đến nay, các tài liệu hướng dẫn của Tổng cục Thống kê về phương pháp tính giá trị sản xuất theo giá cơ bản hoàn toàn thống nhất với SNA1993 và SNA2008. Theo đó, giá trị sản xuất giá cơ bản không bao gồm bất cứ loại thuế sản phẩm nào nhưng bao gồm các loại trợ cấp sản xuất và bao gồm tất cả các yếu tố đầu vào tạo nên giá trị sản phẩm (xem sơ đồ các loại giá). Tuy nhiên, việc tính toán giá trị sản xuất theo giá cơ bản chỉ được ước tính cho những năm lập các bảng IO (trong bảng IO theo giá cơ bản). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về trợ cấp sản xuất gần như chưa được quan tâm do hạn chế về nguồn thông tin.

- Theo Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT ngày 07/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Chế độ báo cáo thống kê Tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phần “Tài khoản quốc gia” quy định giá trị sản xuất được tính theo giá cơ bản. Trong khi đó, cũng theo thông tư này giá trị sản xuất của

các chuyên ngành Công nghiệp và Xây dựng được hướng dẫn tính toán không theo giá cơ bản và cũng không theo giá người sản xuất của SNA (bao gồm cả thuế VAT không được khấu trừ phát sinh phải nộp trong kỳ).

- Trước khi có Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT, giá trị sản xuất của tất cả các ngành đều được tính toán theo “*giá người sản xuất*” theo hướng dẫn trong sách “Phương pháp biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia ở Việt Nam” của NXB Thống kê, 2003. Theo đó “*giá người sản xuất*” này gồm cả thuế VAT².

Tóm lại, có thể nói, sau khi áp dụng thuế VAT ở Việt nam, GO đã được tính toán theo giá được gọi là “*giá người sản xuất*” nhưng không đúng với giá người sản xuất trong SNA1993 và SNA2008. Không nói đến nguyên, vật liệu của người đặt hàng và trợ cấp sản phẩm “*giá người sản xuất*” được tính toán trước đây khác biệt với giá cơ bản ở phần Thuế sản phẩm (gồm cả thuế VAT).

$$\text{GO “giá người sản xuất”} = \text{GO giá cơ bản} + \text{Thuế sản phẩm (gồm thuế VAT, XK, TTDB, doanh thu,...)}$$

2. Phương án tính chuyển giá trị sản xuất từ “*giá người sản xuất*” về giá cơ bản

Theo công thức trên, giá trị sản xuất giá cơ bản được tính từ giá trị sản xuất “*giá người sản xuất*” như sau:

$$\text{GO giá cơ bản} = \text{GO “giá người sản xuất”} - \text{Thuế sản phẩm (gồm thuế VAT, XK, TTDB, doanh thu,...)}$$

Như vậy, để tính chuyển giá trị sản xuất về giá cơ bản cần ước tính được Thuế sản phẩm. Dựa vào Hệ số VA và các thành phần của nó (bao gồm cả Thuế sản phẩm) so với giá trị sản xuất theo kết quả điều tra tính toán các hệ số tài khoản quốc gia 2007 xây dựng được bảng hệ số Thuế sản phẩm so với giá trị sản xuất theo giá “*người sản xuất*” theo cho vùng.

² Theo SNA1993 và SNA2008 thuế VAT chỉ có trong giá người mua chứ không bao gồm trong giá người sản xuất.(Xem sơ đồ mục 6.69 của SNA2008)

Thuế sản phẩm không bao gồm trong giá trị sản xuất giá cơ bản của từng ngành nhưng lại bao gồm trong GDP/GRDP trên toàn bộ kinh tế hoặc trên địa bàn tỉnh, thành phố. Vì vậy, việc ước tính Thuế sản phẩm sẽ ảnh hưởng đến ước tính GDP/GRDP. Theo hướng dẫn trong Thông tư 08 nói trên, thông tin về tổng số Thuế sản phẩm (chia ra thuế Nhập khẩu, Thuế VAT, thuế SP khác và trợ cấp sản phẩm) được khai thác từ các cơ quan Tài chính trong biểu Thu ngân sách trên địa bàn theo các loại thuế, không tách chi tiết theo ngành kinh tế. Để tính chuyển về giá cơ bản cần thống nhất việc tách thuế khỏi “*giá người sản xuất*” theo Tổng thuế sản phẩm trên địa bàn từ ngành Tài chính. Trên thực tế, thuế sản phẩm đánh vào các sản phẩm nông nghiệp rất thấp, do vậy quy ước không thực hiện tách Thuế sản phẩm khỏi giá trị sản xuất đối với các ngành sau đây:

- Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản;
- Hoạt động của đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc;
- Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung;
- Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung

Ước tính giá trị sản xuất, GRDP giá cơ bản theo giá hiện hành và giá so sánh trên cơ sở tách thuế sản phẩm (không bao gồm thuế Nhập khẩu) khỏi giá trị sản xuất “*giá người sản xuất*” thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Tách Thuế sản phẩm theo giá hiện hành

Tách thuế sản phẩm theo giá hiện hành của từng ngành bằng cách nhân giá trị sản xuất “*giá người sản xuất*” theo giá hiện hành của từng ngành với tỷ lệ Thuế sản phẩm so với giá trị sản xuất “*giá người sản xuất*” của từng ngành, từng vùng.

Bước 2: Ước tính cơ cấu Thuế sản phẩm theo ngành

Tính cơ cấu Thuế sản phẩm trên địa bàn của từng ngành so với tổng số từ kết quả tính toán Thuế sản phẩm cho từng ngành và tổng số ở bước 1.

Bước 3: Phân bổ tổng Thuế sản phẩm từ cơ quan Tài chính theo ngành kinh tế

Phân bổ tổng số Thuế sản phẩm (không bao gồm thuế Nhập khẩu) trên địa bàn từ biểu thu Ngân sách trên địa bàn của cơ quan Tài chính cho các ngành kinh tế theo cơ cấu ước tính ở bước 2.

Bước 4: Tính giá trị sản xuất giá cơ bản theo giá hiện hành và so sánh

Giá trị sản xuất giá cơ bản theo giá hiện hành của từng ngành được ước tính bằng cách lấy giá trị sản xuất “giá người sản xuất” theo giá hiện hành trừ Thuế sản phẩm theo giá hiện hành của ngành tương ứng vừa được ước tính ở bước 3.

Giá trị sản xuất cơ bản giá so sánh được ước tính từ giá trị sản xuất cơ bản giá hiện hành và chỉ số giảm phát giá trị sản xuất tương ứng (chỉ số PPI, CPI).

Bước 5: Tính VA cơ bản giá hiện hành và giá so sánh

VA giá cơ bản giá hiện hành và so sánh được ước tính theo phương pháp giảm phát một lần từ giá trị sản xuất cơ bản giá hiện hành và Hệ số IC/GO giá cơ bản năm 2007 theo vùng.

Bước 6: Ước tính Thuế sản phẩm theo giá so sánh

Thuế sản phẩm giá so sánh theo ngành được ước tính từ Thuế sản phẩm giá hiện hành (kết quả bước 3) và chỉ số giảm phát của VA giá cơ bản của các ngành tương ứng.

Thuế sản phẩm giá so sánh theo ngành cũng có thể được ước tính từ VA cơ bản giá so sánh nhân với tỷ lệ của Thuế sản phẩm giá hiện hành so với VA cơ bản giá hiện hành.

Bước 7: Tính thuế nhập khẩu theo giá so sánh

Thuế nhập khẩu theo giá so sánh được tính bằng thuế nhập khẩu theo giá hiện hành và chỉ số giá nhập khẩu của cả nước.

Bước 8: Tính GRDP theo giá hiện hành / so sánh

GRDP theo giá hiện hành / so sánh của toàn bộ nền kinh tế bằng cách lấy tổng VA cơ bản theo giá hiện hành / so sánh cộng với tổng Thuế sản phẩm giá hiện hành từ cơ quan Tài chính/ giá so sánh (tính toán ở bước 6) và tổng thuế nhập khẩu theo giá hiện hành/so sánh.

Trên đây là những nội dung cơ bản về phương pháp tính GO, IC, VA và GRDP trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị liên hệ trực tiếp Phòng Thống kê Tổng hợp - Cục Thống kê tỉnh Hà Giang (Số điện thoại: 0219.3 866 057 - Email: hagiang@gso.gov.vn) để được giải đáp./.

(Biên soạn lại theo hướng dẫn nghiệp vụ TKQG của Tổng cục Thống kê)

Cục Thống kê tỉnh Hà Giang